

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ KONTUM
TỈNH KONTUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:138/2022/HS-ST.
Ngày: 21/12/2022.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ K - TỈNH K

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Hoài.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Văn Long - Giáo viên.

2/ Bà Nguyễn Thị Sương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy An – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh K

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K tham gia phiên tòa: Ông Trần Viết Quyền - Kiểm sát viên.

Ngày 21/12/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh K, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 124/2022/TLST - HS ngày 17/11/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 126/2022/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2022 đối với các bị cáo:

1/ A N, sinh ngày 12/12/2003 tại K; Nơi cư trú: HK, phường TH, thành phố K, tỉnh K;

Nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 06/12,

Dân tộc: Ba Na; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam;

Con ông A Nt (sinh năm 1968) và bà H (sinh năm 1972);

Bị cáo là con thứ ba trong gia đình có năm anh em;

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại bản án số 56/2021/HS-ST ngày 02/6/2021 của Tòa án nhân dân thành phố K xử phạt 05 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Đã chấp hành xong hình phạt. Tuy nhiên, A N phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và khi phạm tội A N chưa đủ 18 tuổi nên được coi là không có án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 23/9/2022 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2/ A TH (tên gọi khác: **A P**), sinh ngày 12/02/2006 tại K; Nơi cư trú: HK, phường TH, thành phố K, tỉnh K;

Nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 6/12;

Dân tộc: Ba Na; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam;

Con ông A Pư (sinh năm 1970) và bà Y D (sinh năm 1970);

Bị cáo là con thứ sáu trong gia đình có chín anh em.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 13/9/2021 bị Công an thành phố K ra xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo về hành vi “Trộm cắp tài sản” (Được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính).

Bị cáo tại ngoại, có mặt.

- **Người bào chữa cho bị cáo A N và A TH:** Bà Đặng Thị Kim Nguyệt - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh K (Có mặt).

- **Người đại diện hợp pháp của bị cáo A TH:** Ông A Pư, sinh năm 1970 (Có mặt) và bà Y D, sinh năm 1970 (vắng mặt).

Địa chỉ: HK, phường TH, thành phố K, tỉnh K.

- **Bị hại:** Anh Chu Nguyên H, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Hẻm 10/4 Ngõ Tiến Dũng, phường Th, thành phố K, tỉnh K (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 00 phút ngày 31/8/2022, bị cáo A TH và A N cùng chở nhau trên xe mô tô (không rõ biển số, mượn của nam thanh niên có tên A Srên không rõ nhân thân lai lịch) đi chơi trong thành phố K, khi đến đầu hẻm số 10 đường Ngõ Tiến D, thành phố K, phát hiện trước cổng nhà anh Chu Nguyên H, số nhà 10/4 của hẻm có 01 lồng chim bằng sắt kích thước (30x40x40) cm, bên trong có 01 con chim chào mào màu lông trắng- xám đen, không thấy ai trông coi nên cả hai nảy sinh ý định trộm cắp. A TH đứng đầu hẻm nổ máy xe đợi và canh giới, A N đi bộ vào hẻm lấy lồng và chim. Sau khi lấy được con chim quay ra thì bị anh H phát hiện đuổi theo. A TH điều khiển xe cùng A N ngồi sau bỏ chạy đến ngã ba giao nhau giữa đường Phan Chu T và Ngõ Tiến D thuộc phường TL, thành phố K, A N dùng tay bắt con chim và vứt bỏ lồng chim tại ngã ba, rồi đem con chim về nhà cất giấu.

Kết luận định giá tài sản, kết luận: 01 lồng chim bằng sắt, kích thước (30x40x40) cm và 01 con chim chào mào màu lông trắng - xám đen, tổng giá trị là 5.096.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 126/CT-VKSTPKT ngày 16/11/2022, Viện kiểm sát nhân dân thành phố K truy tố các bị cáo A N và A TH về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 BLHS, xử phạt **A N** từ 09 đến 12 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51; các điều 65, 90, 91 và Điều 101 BLHS, xử phạt bị cáo **A TH** từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho

hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng kể từ ngày tuyên án 21/12/2022.

Bà Đặng Thị Kim Nguyệt bào chữa cho hai bị cáo, TH với luận tội của Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng cũng như các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ và xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự. Tuy nhiên đề nghị HĐXX xem xét hai bị cáo là người dân tộc thiểu số, bị cáo A N thuộc hộ cận nghèo; bị cáo A TH là người chưa thành niên, khi phạm tội mới hơn 16 tuổi, chưa phát triển đầy đủ về tâm sinh lý và thể chất, nên nhận thức còn懵懂 bột chưa chín chắn, để xem xét áp dụng mức hình phạt thấp nhất theo đề nghị của Viện kiểm sát đối với A N; áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo A TH.

Ý kiến ông A Pư là người đại diện hợp pháp của bị cáo A TH: Cha mẹ và anh chị đi làm rẫy ở xa, A TH phải ở nhà chăm các em. Gia đình không biết A TH trộm cắp thế nào, gia đình có căn dặn, nay đã chịu khó phụ giúp công việc gia đình. Xin cho A TH được ở nhà giúp cha mẹ chăm các em và phụ giúp công việc gia đình.

Hai bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình.

Lời nói sau cùng: Hai bị cáo nhận tội, hứa không tái phạm và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có người nào có ý kiến về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị hại đã nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập, nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. HĐXX căn cứ Điều 292 của BLTTHS xét xử vắng mặt bị hại.

Về nội dung:

[1] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người bị hại, phù hợp với nội dung cáo trạng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở khẳng định: Khoảng 12 giờ trưa ngày 31/8/2022, tại trước cổng nhà anh Chu Nguyên H, địa chỉ: Hẻm 10/4 Ngô Tiến Dũng, phường TL, thành phố K, tỉnh K, bị cáo A N và A TH đã lợi dụng sơ hở trong việc quản lý bảo vệ tài sản của chủ sở hữu, để thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt của anh H 01 lồng chim và 01 con chim chào mào, trị giá 5.096.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đã phạm tội

“Trộm cắp tài sản” theo quy định khoản 1 Điều 173 BLHS. Do đó Viện kiểm sát truy tố các bị cáo là có căn cứ đúng pháp luật.

[2] Hành vi trộm cắp tài sản của hai bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã cố ý trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, gây mất an ninh trên địa bàn thành phố K. Hai bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, có vai trò ngang nhau trong đồng phạm.

[3] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Hai bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng.

[4] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hai bị cáo thành khẩn khai báo, riêng A TH tỏ ra ăn năn hối cải, là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS. A TH phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của BLHS.

[5] Nhân thân: A N đã bị kết án và A TH đã bị xử phạt hành chính cùng về hành vi trộm cắp tài sản, nhưng đều không bị coi là có án tích, không bị coi là đã bị xử phạt hành chính.

[6] Xét tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội, căn cứ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của hai bị cáo. Cần thiết phải xử phạt nghiêm minh đối với hai bị cáo. Cách ly bị cáo A N với đời sống xã hội một thời gian đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung. Riêng bị cáo A TH được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, khi phạm tội bị cáo là người chưa thành niên 16 tuổi 6 tháng 19 ngày, ở tuổi này bị cáo chưa phát triển đầy đủ về tâm sinh lý và thể chất, nên nhận thức còn懵懂 chưa chín chắn; việc không bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù cũng không gây nguy hiểm cho xã hội. Do đó HĐXX áp dụng các điều 65, 90, 91 và Điều 101 BLHS khi quyết định hình phạt và cho bị cáo được cải tạo bên ngoài xã hội, giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục cũng đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo.

[7] *Hình phạt bổ sung*: Khoản 5 Điều 173 của BLHS quy định người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm trăm triệu đồng. Tuy nhiên bị cáo A N nghề nghiệp làm nông, thu nhập không ổn định, không có tài sản, hộ cận nghèo, không có điều kiện chấp hành hình phạt bổ sung là hình phạt tiền, nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo A N.

Bị cáo A TH là người dưới 18 tuổi nên không bị áp dụng hình phạt bổ sung.

[8] *Xử lý vật chứng*:

- Cơ quan CSĐT đã trả lại 01 chim chào mào cho anh Chu Nguyên H là đúng quy định.

- Theo lời khai của bị cáo A TH, bị cáo mượn xe mô tô không rõ biển số của nam thanh niên tên A Srên không rõ nhân thân lai lịch để đi công việc, quá trình sử dụng xe, bị cáo mới nảy sinh ý định trộm cắp và có sử dụng xe làm phương tiện phạm tội, sau khi phạm tội bị cáo đã trả lại xe cho A Srên. Cơ quan CSĐT đã truy tìm nhưng chưa xác minh được đối tượng tên A Srên và xe mô tô, nên không có cơ

sở xử lý sau.

[9] *Trách nhiệm dân sự*: Người bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự, nên không xem xét.

[10] *Về án phí*: Hai bị cáo bị kết án nên mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo A N thuộc hộ cận nghèo nên được miễn nộp.

Bị cáo A TH chưa đủ 18 tuổi và không có tài sản, nên ông A Pư và bà Y D phải nộp thay tiền án phí cho A TH.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo **A N và A TH** (tên gọi khác: A P) phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự 2015. Xử phạt bị cáo **A N**: **12** (Mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam **23/9/2022**.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51, các điều 58, 65, 90, 91 và Điều 101 của Bộ luật Hình sự 2015. Xử phạt bị cáo **A TH** (tên gọi khác: A P): **09** (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **18** (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án 21/12/2022.

Giao bị cáo **A TH** cho Ủy ban nhân dân phường TH, thành phố K, tỉnh K giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

2. *Về án phí*: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo A TH phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Ông A Pư và bà Y D phải nộp thay 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng tiền án phí cho A TH.

Bị cáo A N được miễn nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

3. *Quyền kháng cáo*: Các bị cáo, người bào chữa và người đại diện hợp pháp của bị cáo A TH được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (21/12/2022). Bị hại vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao Đà Nẵng;
- TAND Tỉnh KonTum;
- VKSND TP KonTum;
- Công an TP KonTum;
- THA dân sự TP KonTum;
- Bị cáo, người bào chữa, người đại diện hp;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(đã ký)

Nguyễn Xuân Hoài